TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 10 năm 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lơn
2. Ông Lê Văn Lưỡng
- Thư ký phiên tòa**:** Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N - tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 háng 9 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2018/QĐST-HNGĐ ngày ngày 24/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 10, đường Bầu Cỏ, thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 31/5/2018, bản tự khai ngày 08/6/2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyên sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2013, đến ngày 23/01/2014à đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2014, quyền số 01/2014. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng những năm gần xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2016, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, chị N và anh T không thể sống chung được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 22/03/2014. Chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc con chung Nguyễn Ngọc Hà A cho đến khi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản tự khai ngày 12/6/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc N tự nguyện sống chúng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa ngày 23/01/2014, Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2014, quyển số 01/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đầu năm 2017 cho đến nay anh T và chị N sống ly thân, nay chị N yêu cầu ly hôn anh Tính đồng ý.

Về con chung và cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T cũng xác nhận giữa anh T và chị N chỉ có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 22/03/2014. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp trong nom, chăm sóc con chung Nguyễn Ngọc Hà A cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T để hòa giải nhưng anh T không có mặt nên Toà án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T ở Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thị xã N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa ngày

23/01/2014, Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2014, quyển số 01/2014, nên quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình sống chung, hạnh phúc được 03 năm thì giữa anh T và chị N đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên năm 2016 chị N và anh T đã sống ly thân và từ đó giữa anh T, chị N không còn sự quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị N không còn yêu thương anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Xét thấy yêu cầu của chị N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc N đều xác định anh T và chị N chỉ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 22/03/2014. Tại phiên tòa, chị N vẫn có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm nom, giáo dục cháu Hà A. Xét thấy cháu Hà A còn nhỏ và hiện tại đang sống cùng với chị N nên chấp nhận giao cháu Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 22/03/2014 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Ngọc N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1 -Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2 -Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 22/03/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3 - Về tài sản chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003939 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5 - Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N ;
- Chi cục THA thị xã N;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã D, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu văn thư;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhất Anh